

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức  
trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2012/TT-BNV ngày 17 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ công chức;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2019/TT-BNV ngày 01 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2012/TT-BNV ngày 17 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ công chức;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 196/TTr-SNV ngày 19 tháng 4 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Giám đốc các Sở và tương đương cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện nội dung Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc các Sở và tương đương cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày. 04.. tháng. 5.. năm 2021. Thay thế Chương I, Chương II của Quyết định số 24/2019/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định về tuyển dụng công chức, viên chức; quản lý công chức, viên chức; nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu./.

**Nơi nhận:** M

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội (để giám sát);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ (phát hành);
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- TT Công báo - Tin học (đăng công báo);
- Lưu: VT, (MM).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**



**Phạm Văn Thiều**



## **QUY ĐỊNH**

**Về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu**  
(Kèm theo Quyết định số: 12 /2021/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2021  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu)

### **Chương I** **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Công chức là công dân Việt Nam, được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ, chức danh tương ứng với vị trí việc làm trong cơ quan, đơn vị thuộc khối nhà nước ở cấp tỉnh, cấp huyện.

2. Cơ quan quản lý công chức, bao gồm:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Cơ quan được phân cấp quản lý công chức là Sở Nội vụ.

### **Chương II** **TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC**

#### **Mục 1**

#### **CĂN CỨ, ĐIỀU KIỆN, THẨM QUYỀN TUYỂN DỤNG**

#### **Điều 3. Căn cứ tuyển dụng công chức**

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

#### **Điều 4. Điều kiện đăng ký dự tuyển công chức**

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật cán bộ, công chức và Điều 4 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

#### **Điều 5. Ưu tiên trong tuyển dụng công chức**

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

#### **Điều 6. Cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức**

Thẩm quyền tuyển dụng công chức là Ủy ban nhân dân tỉnh. Theo yêu cầu nhiệm vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Sở Nội vụ thực hiện một số nội dung trong tuyển dụng công chức.

Hàng năm, căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao và nhu cầu tuyển dụng của các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh (sau đây gọi là *Sở và tương đương*), Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là *Ủy ban nhân dân cấp huyện*). Sở Nội vụ tổng hợp, xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện tuyển dụng công chức theo quy định.

### **Điều 7. Hội đồng tuyển dụng công chức**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức.

2. Hội đồng tuyển dụng công chức có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Nội vụ;

c) Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng công chức, viên chức thuộc Sở Nội vụ;

d) Các ủy viên khác là đại diện lãnh đạo một số bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Hội đồng tuyển dụng công chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

4. Việc bố trí người làm thành viên Hội đồng tuyển dụng, thành viên các bộ phận giúp việc của Hội đồng tuyển dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

## **Mục 2 THI TUYỂN CÔNG CHỨC**

### **Điều 8. Hình thức, nội dung và thời gian thi**

Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

### **Điều 9. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức**

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

## **Mục 3 XÉT TUYỂN CÔNG CHỨC**

### **Điều 10. Đối tượng xét tuyển công chức**

Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.



**Điều 11. Nội dung, hình thức xét tuyển công chức**

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

**Điều 12. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức**

Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

**Mục 4****TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC****Điều 13. Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển**

Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

Sở Nội vụ thông báo và nhận Phiếu đăng ký dự tuyển từ các cơ quan, đơn vị là đầu mối giao biên chế, có nhu cầu tuyển dụng.

**Điều 14. Trình tự tổ chức tuyển dụng**

Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức.

2. Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định thành lập Ban Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển.

3. Tổ chức thi tuyển hoặc xét tuyển theo quy định.

**Điều 15. Thông báo kết quả tuyển dụng công chức**

Thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

1. Hội đồng tuyển dụng báo cáo và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt kết quả tuyển dụng.

2. Sở Nội vụ thông báo kết quả tuyển dụng đến Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để thông báo đến người trúng tuyển, đồng thời, đăng tải công khai kết quả tuyển dụng trên cổng thông tin điện tử của Sở Nội vụ.

**Điều 16. Hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng**

Thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

1. Người trúng tuyển công chức phải đến cơ quan, đơn vị nơi đăng ký tuyển dụng để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng theo quy định.

2. Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì cơ quan, đơn vị nơi đăng ký tuyển dụng báo cáo về Sở Nội vụ để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định hủy bỏ kết quả trúng tuyển.



## **Điều 17. Quyết định tuyển dụng và nhận việc**

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

1. Sau khi người trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng theo quy định, Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định tuyển dụng, người được tuyển dụng vào công chức phải đến cơ quan nhận việc theo quy định.

2. Trường hợp người được tuyển dụng vào công chức không đến nhận việc trong thời hạn quy định thì người ra quyết định tuyển dụng công chức ra quyết định hủy bỏ quyết định tuyển dụng và báo cáo về Sở Nội vụ để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định hủy bỏ kết quả trúng tuyển. Sở Nội vụ đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tuyển dụng người có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề theo quy định.

## **Điều 18. Tiếp nhận vào làm công chức**

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

1. Khi tiếp nhận các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP vào làm công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho Sở Nội vụ thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch. Hội đồng kiểm tra, sát hạch có 05 đến 07 thành viên, cụ thể như sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Nội vụ;
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng công chức, viên chức thuộc Sở Nội vụ;
- c) Một ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là công chức phòng công chức, viên chức thuộc Sở Nội vụ;
- d) Các ủy viên khác là công chức chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan đến vị trí tuyển dụng do Giám đốc Sở Nội vụ quyết định.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra, sát hạch: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

2. Khi tiếp nhận vào làm công chức đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP để bổ nhiệm chức danh, chức vụ thì thực hiện theo quy định như sau:

- a) Đối với chức vụ Trưởng phòng hoặc tương đương thuộc và trực thuộc các Sở và tương đương:

Giám đốc Sở và tương đương xây dựng văn bản đề nghị, kèm hồ sơ đề nghị tiếp nhận vào làm công chức để bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng hoặc tương đương, gửi Sở Nội vụ tổng hợp, thẩm định về tiêu chuẩn, điều kiện của người được tiếp nhận và trình Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến về việc tiếp nhận và bổ nhiệm đối với người được tiếp nhận.



Khi có ý kiến thống nhất của Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ ra quyết định tiếp nhận vào làm công chức và có văn bản thông báo đến Giám đốc Sở và tương đương để Giám đốc Sở và tương đương ra quyết định bổ nhiệm theo quy trình công tác cán bộ.

b) Đối với chức vụ Phó Trưởng phòng hoặc tương đương thuộc và trực thuộc các Sở và tương đương; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng hoặc tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng văn bản đề nghị, kèm hồ sơ đề nghị tiếp nhận vào làm công chức để bổ nhiệm, gửi Sở Nội vụ tổng hợp, thẩm định về tiêu chuẩn, điều kiện của người được tiếp nhận.

Khi đủ điều kiện, tiêu chuẩn, Giám đốc Sở Nội vụ ra quyết định tiếp nhận vào làm công chức, đồng thời có văn bản thông báo đến Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để thủ trưởng cơ quan, đơn vị ra quyết định bổ nhiệm theo quy trình công tác cán bộ.

3. Khi tiếp nhận vào làm công chức đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng văn bản đề nghị, kèm hồ sơ đề nghị tiếp nhận vào làm công chức, gửi Giám đốc Sở Nội vụ ra quyết định tiếp nhận vào làm công chức đối với trường hợp không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý; nếu tiếp nhận để bổ nhiệm công chức lãnh đạo, quản lý thì thực hiện theo khoản 2 Điều này.

**Điều 19. Xếp ngạch, bậc lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào làm công chức đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc**

Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

## **Mục 5 TẬP SỰ**

### **Điều 20. Chế độ tập sự**

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

### **Điều 21. Hướng dẫn tập sự**

Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

### **Điều 22. Chế độ, chính sách đối với người tập sự và người hướng dẫn tập sự**

Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

### **Điều 23. Bổ nhiệm vào ngạch công chức đối với người hoàn thành chế độ tập sự**



Thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

Sau khi hoàn thành các thủ tục theo quy định, Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản đề nghị Giám đốc Sở Nội vụ ra quyết định bổ nhiệm ngạch và xếp lương cho công chức được tuyển dụng.

#### **Điều 24. Hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với người tập sự**

1. Trường hợp người tập sự không đạt yêu cầu sau thời gian tập sự hoặc có hành vi vi phạm đến mức phải xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức thì Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định hủy bỏ quyết định tuyển dụng và báo cáo về Sở Nội vụ để theo dõi.

2. Người tập sự bị hủy bỏ quyết định tuyển dụng được cơ quan sử dụng công chức trợ cấp 01 tháng lương, phụ cấp hiện hưởng và tiền tàu xe về nơi cư trú.

### **Chương III SỬ DỤNG CÔNG CHỨC**

#### **Mục 1 BỐ TRÍ, PHÂN CÔNG CÔNG TÁC, ĐIỀU ĐỘNG, BIỆT PHÁI CÔNG CHỨC**

#### **Điều 25. Bố trí, phân công công tác**

Thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

#### **Điều 26. Điều động, tiếp nhận, chuyển công tác đối với công chức**

1. Thẩm quyền của Giám đốc Sở và tương đương:

a) Quyết định điều động đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ phòng, ban, đơn vị này sang phòng, ban, đơn vị khác trong phạm vi quản lý;

b) Quyết định điều động đối với công chức giữ chức vụ Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc các Sở và tương đương từ phòng, ban, đơn vị này sang phòng, ban, đơn vị khác trong phạm vi quản lý, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ;

c) Quyết định điều động đối với công chức giữ chức vụ Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở và tương đương từ phòng, ban, đơn vị này sang phòng, ban, đơn vị khác trong phạm vi quản lý, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:



a) Quyết định điều động đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ phòng, ban, đơn vị này sang phòng, ban, đơn vị khác trong phạm vi quản lý;

b) Quyết định điều động đối với công chức giữ chức vụ Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương cấp huyện từ phòng, ban, đơn vị này sang phòng, ban, đơn vị khác trong phạm vi quản lý, sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Giám đốc Sở Nội vụ.

### 3. Thẩm quyền của Giám đốc Sở Nội vụ:

a) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều động, tiếp nhận, chuyển công tác đối với các chức danh, chức vụ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký quyết định bổ nhiệm.

b) Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, năng lực, trình độ đào tạo, vị trí việc làm, chỉ tiêu biên chế được giao và nhu cầu của các Sở và tương đương, Ủy ban nhân dân cấp huyện. Giám đốc Sở Nội vụ quyết định việc điều động đối với công chức trong tỉnh ngoài phạm vi quản lý của các Sở và tương đương, Ủy ban nhân dân cấp huyện; cho chuyển công tác đối với công chức đi ngoài tỉnh và tiếp nhận công chức ngoài tỉnh đến.

### **Điều 27. Hồ sơ điều động, tiếp nhận, chuyển công tác**

#### 1. Hồ sơ điều động công chức trong tỉnh:

a) Đơn xin chuyển công tác của cá nhân (*đối với trường hợp xin chuyển công tác*) hoặc văn bản của Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có nhu cầu (*tiếp nhận công chức đến*);

b) Văn bản đồng ý cho chuyển công tác của Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi công chức đang công tác (*kèm theo văn bản gửi Giám đốc Sở Nội vụ của Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đến*);

c) Hồ sơ công chức được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2012/TT-BNV ngày 17/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ công chức và Thông tư số 06/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2012/TT-BNV.

#### 2. Hồ sơ chuyển công tác của công chức đi ngoài tỉnh:

a) Đơn xin chuyển công tác của công chức;

b) Văn bản đồng ý cho chuyển công tác của Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Hồ sơ công chức được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2012/TT-BNV và Thông tư số 06/2019/TT-BNV.

#### 3. Hồ sơ tiếp nhận công chức ngoài tỉnh đến:



a) Đơn xin chuyển công tác của công chức hoặc văn bản của Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện khi có nhu cầu;

b) Văn bản đồng ý cho chuyển công tác của Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi công chức đang công tác;

c) Văn bản đồng ý chuyển công tác của Giám đốc Sở Nội vụ nơi công chức đi;

d) Văn bản đồng ý tiếp nhận công chức đến của Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi công chức đến;

đ) Hồ sơ công chức được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2012/TT-BNV và Thông tư số 06/2019/TT-BNV.

### **Điều 28. Biệt phái công chức**

Thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP và quy định của cơ quan có thẩm quyền về công tác cán bộ.

### **Điều 29. Chế độ, chính sách đối với công chức được điều động, biệt phái**

Thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

## **Mục 2**

## **CHUYỂN NGẠCH, NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC**

### **Điều 30. Chuyển ngạch công chức**

Thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP. Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp như sau:

1. Đối với công chức giữ ngạch nhân viên, cán sự, chuyên viên hoặc tương đương trở xuống thì Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện lập danh sách đề nghị Giám đốc Sở Nội vụ ra quyết định chuyển ngạch.

2. Đối với công chức giữ ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương trở lên; công chức có chức danh, chức vụ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm thì Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện lập danh sách đề nghị gửi Giám đốc Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định chuyển ngạch.

### **Điều 31. Căn cứ, nguyên tắc, tiêu chuẩn, điều kiện dự thi nâng ngạch công chức**

Thực hiện theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

### **Điều 32. Xét nâng ngạch công chức**

1. Công chức đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 31 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP thì được xét nâng ngạch.



2. Hàng năm, vào đầu tháng 01, Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của từng ngạch công chức lập danh sách kèm theo hồ sơ của từng cá nhân theo quy định, gửi Sở Nội vụ để kiểm tra, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định công nhận xét nâng ngạch.

Sau khi có quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ ra quyết định bổ nhiệm vào ngạch từ ngạch chuyên viên hoặc tương đương trở xuống hoặc Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định bổ nhiệm vào ngạch từ ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương trở lên.

### **Điều 33. Phân công, nhiệm vụ tổ chức thi nâng ngạch công chức**

Thực hiện theo quy định tại Điều 32, Điều 33 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cử công chức dự thi nâng ngạch, tổ chức thi nâng ngạch công chức theo đúng thẩm quyền và quy định hiện hành.

### **Điều 34. Xây dựng Đề án thi nâng ngạch công chức**

Thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Đề án thi nâng ngạch công chức theo quy định.

### **Điều 35. Hội đồng thi nâng ngạch công chức**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thi nâng ngạch công chức.

2. Hội đồng thi nâng ngạch công chức có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Nội vụ;

c) Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng công chức, viên chức thuộc Sở Nội vụ;

d) Các ủy viên khác là đại diện lãnh đạo một số bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Hội đồng thi nâng ngạch công chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

4. Việc bố trí người làm thành viên Hội đồng thi nâng ngạch, thành viên các bộ phận giúp việc của Hội đồng thi nâng ngạch theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

### **Điều 36. Hồ sơ nâng ngạch công chức**

Thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.



**Điều 37. Hình thức, nội dung và thời gian thi nâng ngạch**

Thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

**Điều 38. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi nâng ngạch**

Thực hiện theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

**Điều 39. Thông báo kết quả thi nâng ngạch**

1. Sau khi thực hiện xong việc chấm thi, chấm phúc khảo (nếu có), Hội đồng thi nâng ngạch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ thi nâng ngạch công chức và danh sách công chức trúng tuyển.

2. Sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ thi nâng ngạch công chức và danh sách công chức trúng tuyển, Sở Nội vụ gửi văn bản tới Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (nơi có công chức dự thi) để thông báo cho công chức dự thi biết và làm thủ tục bổ nhiệm vào ngạch công chức theo quy định.

**Điều 40. Bổ nhiệm vào ngạch công chức**

1. Đối với ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương:

Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến Bộ Nội vụ, sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ, Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định bổ nhiệm ngạch công chức.

2. Đối với ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương:

Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định bổ nhiệm vào ngạch công chức và xếp lương ngạch mới bổ nhiệm theo quy định hiện hành.

3. Đối với ngạch chuyên viên hoặc tương đương, cán sự hoặc tương đương:

Giám đốc Sở Nội vụ ra quyết định bổ nhiệm ngạch công chức và xếp lương đối với công chức trúng tuyển theo quy định hiện hành.

**Mục 3****BỔ NHIỆM CÔNG CHỨC LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ****Điều 41. Thời hạn giữ chức vụ**

Thực hiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

**Điều 42. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm**

Thực hiện theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP và theo quy định phân cấp cán bộ của cơ quan có thẩm quyền.

**Điều 43. Trách nhiệm trong công tác bổ nhiệm công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý**



Thực hiện theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

#### **Điều 44. Thẩm quyền bổ nhiệm**

Thực hiện theo phân cấp về quản lý cán bộ, cụ thể như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm các chức danh, chức vụ:

Giám đốc, Phó Giám đốc các Sở và tương đương.

2. Giám đốc Sở và tương đương bổ nhiệm các chức danh, chức vụ:

Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng, Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương cấp tỉnh, cấp trưởng, cấp phó các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở và tương đương.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện bổ nhiệm các chức danh, chức vụ:

Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương các cơ quan, đơn vị trực thuộc và chức danh, chức vụ khác theo phân cấp quản lý cán bộ.

#### **Điều 45. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý**

Thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP và phân cấp của cấp có thẩm quyền, cụ thể như sau:

1. Đối với các chức danh, chức vụ do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký bổ nhiệm thì thực hiện theo quy định của Tỉnh ủy.

2. Đối với các chức danh, chức vụ do Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý thuộc thẩm quyền của Giám đốc Sở và tương đương ký bổ nhiệm thì thực hiện theo quy định của Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Đối với các chức danh, chức vụ từ Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện bổ nhiệm thì thực hiện theo quy định của Ban Thường vụ cấp ủy cấp huyện và ý kiến thống nhất của Giám đốc Sở Nội vụ.

#### **Điều 46. Bổ nhiệm trong trường hợp khác**

Thực hiện theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP và theo phân cấp quản lý cán bộ của cơ quan có thẩm quyền.

#### **Điều 47. Hồ sơ bổ nhiệm**

Thực hiện theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP và theo phân cấp quản lý cán bộ của cơ quan có thẩm quyền.

### **Mục 4**

## **BỔ NHIỆM LẠI, KÉO DÀI THỜI GIAN GIỮ CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ**



**Điều 48. Thời điểm, thời hạn và nguyên tắc thực hiện bổ nhiệm lại hoặc kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý**

Thực hiện theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

**Điều 49. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm lại**

Thực hiện theo quy định tại Điều 50 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

**Điều 50. Thẩm quyền quyết định bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đến tuổi nghỉ hưu**

Thực hiện theo quy định tại Điều 51 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

**Điều 51. Thủ tục bổ nhiệm lại**

Thực hiện theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

**Điều 52. Thủ tục kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đến tuổi nghỉ hưu**

Thực hiện theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

**Điều 53. Hồ sơ bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đến tuổi nghỉ hưu**

Thực hiện theo quy định tại Điều 54 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

## **Mục 5**

### **LUÂN CHUYỂN CÔNG CHỨC LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ**

**Điều 54. Đối tượng, phạm vi luân chuyển**

Thực hiện theo quy định tại Điều 55 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP. Trường hợp cụ thể theo quy định của cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ.

**Điều 55. Tiêu chuẩn, điều kiện luân chuyển**

Thực hiện theo quy định tại Điều 56 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể theo quy định của cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ.

**Điều 56. Thẩm quyền, trách nhiệm thực hiện luân chuyển**

Thực hiện theo quy định tại các Điều 57 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP và theo phân cấp quản lý cán bộ của cơ quan có thẩm quyền.

**Điều 57. Kế hoạch, quy trình, hồ sơ công chức, thời gian, nhận xét, đánh giá đối với công chức luân chuyển, bố trí công chức sau luân chuyển, chế độ chính sách đối với công chức luân chuyển**

Thực hiện theo quy định tại Điều 58, Điều 59, Điều 60, Điều 61, Điều 62, Điều 63, Điều 64 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP và theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.



## **Mục 6** **TỪ CHỨC, MIỄN NHIỆM ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC** **LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ**

### **Điều 58. Từ chức đối với công chức lãnh đạo, quản lý**

Thực hiện theo quy định tại Điều 65 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP và theo phân cấp quản lý cán bộ của cơ quan có thẩm quyền.

### **Điều 59. Miễn nhiệm đối với công chức lãnh đạo, quản lý**

Thực hiện theo quy định tại Điều 66 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP và theo phân cấp quản lý cán bộ của cơ quan có thẩm quyền.

### **Điều 60. Hồ sơ xem xét cho từ chức, miễn nhiệm**

Thực hiện theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

**Điều 61. Chế độ, chính sách đối với công chức từ chức, miễn nhiệm và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến miễn nhiệm đối với công chức**

Thực hiện theo quy định tại Điều 68 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

## **Mục 7** **CHÍNH SÁCH ÁP DỤNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ TÀI NĂNG** **TRONG HOẠT ĐỘNG CÔNG VỤ**

**Điều 62. Trách nhiệm rà soát, phát hiện người có tài năng trong hoạt động công vụ**

Thực hiện theo quy định tại Điều 69 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

**Điều 63. Chính sách chung đối với người có tài năng trong hoạt động công vụ**

Thực hiện theo quy định tại Điều 70 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

## **Chương IV** **QUẢN LÝ CÔNG CHỨC**

### **Điều 64. Nội dung quản lý công chức**

Thực hiện theo quy định tại Điều 71 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

Sở Nội vụ phối hợp với các Sở và tương đương, Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện theo quy định.

### **Điều 65. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Nội vụ**

1. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với đội ngũ công chức.

2. Tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định:



a) Phê duyệt kế hoạch và tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức; công nhận kết quả thi tuyển, xét tuyển công chức;

b) Phê duyệt kế hoạch và tổ chức thi hoặc xét nâng ngạch công chức lên ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương, ngạch chuyên viên hoặc tương đương, ngạch cán sự hoặc tương đương; quyết định cử cán bộ, công chức thi nâng ngạch lên chuyên viên chính hoặc tương đương, ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương;

c) Quyết định bổ nhiệm ngạch, xếp lương đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ; quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, nghỉ hưu, thôi việc đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương và công chức giữ chức vụ lãnh đạo thuộc diện Tỉnh ủy quản lý (*riêng nâng bậc lương trước thời hạn phải có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Nội vụ*);

d) Quyết định chuyển ngạch; bổ nhiệm ngạch và xếp lương chuyên viên chính hoặc tương đương; quyết định nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên nghề đối với công chức lãnh đạo thuộc diện Tỉnh ủy quản lý và công chức có ngạch lương chuyên viên chính hoặc tương đương trở lên; Quyết định bổ nhiệm ngạch chuyên ngành (*tương đương ngạch chuyên viên*) theo quy định của pháp luật.

đ) Quyết định điều động, tiếp nhận, chuyển công tác đối với các chức danh, chức vụ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký quyết định bổ nhiệm.

### 3. Quyết định theo phân cấp quản lý:

a) Tiếp nhận vào làm công chức;

b) Thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch đối với các trường hợp tiếp nhận vào làm công chức;

c) Quyết định bổ nhiệm vào ngạch công chức đối với người hoàn thành chế độ tập sự đối với ngạch chuyên viên trở xuống; công chức đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bằng hoặc lớn hơn thời gian tập sự quy định tại Điều 20 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP theo đề nghị của Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

d) Quyết định xếp ngạch, bậc lương đối với trường hợp đã có thời gian công tác đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc khi được tuyển dụng (*công chức ngạch chuyên viên hoặc tương đương trở xuống*);

đ) Quyết định chuyển ngạch công chức từ ngạch chuyên viên hoặc tương đương trở xuống theo đề nghị của Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

e) Quyết định tiếp nhận cán bộ, công chức cấp xã thành công chức từ cấp huyện trở lên làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phạm vi thuộc thẩm quyền quản lý;



g) Quyết định điều động, tiếp nhận công chức trong tỉnh và ngoài tỉnh theo phân cấp quản lý;

h) Thực hiện thống kê và báo cáo thống kê công chức theo quy định;

i) Thanh tra, kiểm tra việc thi hành các quy định của pháp luật đối với công chức;

k) Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo phân cấp và theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

**Điều 66. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Tổ chức thực hiện chế độ chính sách của Nhà nước đối với công chức.

2. Bố trí, phân công nhiệm vụ và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của công chức.

3. Thực hiện việc sử dụng công chức theo phân công, phân cấp; đánh giá, phân loại, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, nâng ngạch, điều động, luân chuyển đối với công chức theo quy định.

4. Thực hiện khen thưởng, kỷ luật công chức theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng, kỷ luật theo quy định.

5. Thực hiện việc lập hồ sơ và lưu giữ hồ sơ cá nhân của công chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

6. Thống kê và báo cáo Sở Nội vụ về tình hình đội ngũ công chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

7. Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định.

8. Quyết định việc nâng lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề theo quy định của pháp luật đối với công chức ngạch chuyên viên hoặc tương đương trở xuống (*trừ các chức danh lãnh đạo thuộc diện Tỉnh ủy quản lý*).

9. Quyết định nâng bậc lương trước thời hạn sau khi có ý kiến của Giám đốc Sở Nội vụ (*trừ các chức danh, chức vụ lãnh đạo quản lý thuộc diện Tỉnh ủy quản lý*).

## **Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 67. Giám đốc Sở và tương đương cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện**

Có trách nhiệm thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức đúng theo Nghị định số 138/2020/NĐ-CP và những nội dung phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh. Các văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân



dân tình về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức trước đây trái với Quy định này được bãi bỏ.

**Điều 68.** Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Giám đốc các Sở và tương đương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện và theo dõi, kiểm tra, kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (*thông qua Sở Nội vụ*) để điều chỉnh, bổ sung, tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy định này./.